**MA TRẬN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | **Tỉ lệ**  **% điểm** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ đúng - sai** | | | **TNKQ trả lời ngắn** | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |
| 1 | **Chủ đề 1.** Địa lí tự nhiên | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **22,5%** |
| Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên |  | **1** |  |  | **4** |  |  |  |  |
| Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề 2.** Địa lí dân cư | Dân số |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **15%** |
| Lao động và việc làm |  | **1** |  |  | **2** | **2** |  |  |  |
| **3** | **Chủ đề 3:** Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **22,5%** |
| Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản |  | **1** | **2** |  |  |  |  |  |  |
| Vấn đề phát triển công nghiệp |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Thương mại và du lịch |  |  |  |  | **3** | **1** |  |  |  |
| **4** | **Chủ đề 4:** Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam | Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **25%** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản ở Bắc Trung Bộ |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| Sử dụng hợp lí tự để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long |  |  |  |  | **2** | **2** |  |  |  |
| **5** | **Kĩ năng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **6** | **15%** |
| **Tổng** | |  |  | **13** | **5** |  | **11** | **5** |  |  | **6** |  |
| **Tỉ lệ (%) điểm** | |  |  | **32,5%** | **12,5%** |  | **27,5%** | **12,5%** |  |  | **15%** | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**

**NĂM HỌC 2024-2025**

| **Dạng thức** | **Chủ đề/Nội dung kiến thức cần kiểm tra, đánh giá** | | **Năng lực Địa lí** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận thức khoa học**  **địa lí (NT)** | | | **Tìm hiểu địa lí (TH)** | | | **Vận dụng kiến thức,**  **kĩ năng đã học (VD)** | | |
| **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | |
| ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** |
| **Dạng thức 1** | Câu 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  (Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến tự nhiên) | |  | X  NT1.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa  (Giải thích đặc điểm sông ngòi nước ta) | |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 3: Thiên nhiên phân hóa đa dạng  (Giải thích đặc điểm tự nhiên các miền địa lí) | |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 4: Thiên nhiên phân hóa đa dạng  (Giải thích đặc điểm tự nhiên các miền địa lí ) | |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 5: Sử dụng hợp lí TNTN và bảo vệ môi trường  (Biện pháp bảo vệ môi trường ở nước ta) | |  |  |  |  |  |  |  |  | X  VD3.1 |
| Câu 6: Dân số, lao động, việc làm  (giải thích đặc điểm dân số nước ta) | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 7: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế  (Giải thích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần) | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 7: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp  (Giải thích sự phân hóa tổ chức lãnh thổ công nghiệp) | |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 8: Vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản  (Phân tích xu hướng phát triển ngành nông nghiệp) | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 9: Vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản  (Giải pháp phát triển cây công nghiệp) | |  |  |  |  |  |  |  |  | X  VD3.1 |
| Câu 10: Vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản  (Phân tích ý nghĩa chuyển dịch cao cấu ngành thủy sản) | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 11: Vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản  (Giải pháp phát triển ngành lâm nghiệp ) | |  |  |  |  |  |  |  |  | X  VD3.1 |
| Câu 12: Vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản  (Giải pháp nâng cao chất lượng cây công nghiệp) | |  |  |  |  |  |  |  |  | X  VD3.1 |
| Câu 13: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  (Phân tích ý nghĩa phát triển cây trồng đa dạng của vùng) | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 14: Vùng Đồng bằng sông Hồng  (Liên hệ thực tiễn sự phát triển ngành dịch vụ của vùng) | |  |  |  |  |  |  |  | VD1.2 |  |
| Câu 15: Bắc Trung Bộ  (Phân tích cơ sở hình thành cơ cấu nông, lâm, thủy sản của vùng) | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 16: Duyên hải Nam Trung Bộ  (Phân tích ý nghĩa các cảng biển của vùng) | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 17: Vùng Tây Nguyên  (Liên hệ thực tiễn sự phát triển ngành nông nghiệp của vùng) | |  |  |  |  |  |  |  | VD1.2 |  |
| Câu 18: Vùng Đông Nam Bộ  (Liên hệ thực tiễn sự phát triển ngành công nghiệp của vùng) | |  |  |  |  |  |  |  | VD1.2 |  |
| **Dạng thức 2** | Câu 1: Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên | a) Giải thích đặc điểm khí hậu vùng núi Đông Bắc |  | NT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| b) Giải thích đặc điểm khí hậu vùng núi Tây Bắc |  | NT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| c) Giải thích đặc điểm khí hậu vùng núi Tây Bắc |  | NT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| d) Giải thích đặc điểm khí hậu vùng núi Tây Bắc |  | NT2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Dân số, lao động và việc làm | a) So sánh số lượng lao động giữa các loại hình kinh tế |  |  |  |  | TH1.7 |  |  |  |  |
| b) So sánh tỉ trọng lao động giữa các loại hình kinh tế |  |  |  |  | TH1.7 |  |  |  |  |
| c) Giải thích sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| d) Chọn dạng biểu đồ thích hợp thể hiện bảng số liệu |  |  |  |  | TH1.9 |  |  |  |  |
| Câu 3: Các ngành kinh tế  (Thương mại) | a) Ý nghĩa của việc đẩy mạnh xuất khẩu |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| b) Giải thích tình hình xuất nhập khẩu nước ta |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| c) Giải thích tình hình xuất nhập khẩu nước ta |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| d) Giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| Câu 4: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | a) Giải thích nguyên nhân chuyển đổi cơ cấu cây trồng của vùng |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| b)Giải thích nguyên nhân chuyển đổi cơ cấu cây trồng của vùng |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| c) Phân tích ý nghĩa chuyển đổi cơ cấu cây trồng của vùng |  | NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| d) Giai pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| **Dạng thức 3** | Câu 1: Tính giờ | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Tính khoảng cách ngoài thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ | |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| Câu 3: Tính nhiệt độ theo độ cao | |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| Câu 4: Tính tỉ lệ gia tăng dân số | |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| Câu 5: Tình sản lượng lúa | |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| Câu 6: Tính tỉ trọng xuất nhập khẩu | |  |  |  |  |  |  |  |  | VD3.1 |
| **TỔNG SỐ** | | |  | **17** |  |  | **3** |  |  | **3** | **8** |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH NINH BÌNH**  TRƯỜNG THPT CHUYÊN  LƯƠNG VĂN TỤY | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **Năm học 2024-2025**  **Môn: Địa lí**  *Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

**A.** mọi nơi trong năm đều có Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**B.** Tín phong bán cầu Bắc đã bị lấn át bởi các gió khác.

**C.** nhiệt độ trung bình năm cao và phân hóa theo mùa.

**D.** số giờ nắng nhiều và biên độ nhiệt độ trong năm lớn.

**Câu 2:** Sông ngòi nước ta có mạng lưới dày đặc và nhiều nước chủ yếu do

**A.** khí hậu nhiệt đới gió mùa, rừng bị suy giảm, địa hình bị cắt xẻ mạnh.

**B.** đồi núi rộng khắp, lượng mưa lớn, sông có nhiều phụ lưu và chi lưu.

**C.** nhiệt ẩm cao, mưa tập trung trên sườn núi dốc, nguồn nước đa dạng.

**D.** vỏ phong hóa bở rời, lượng mưa lớn theo mùa, thảm thực vật hạn chế.

**Câu 3:** Về mùa đông, Bắc Bộ có lượng mưa ít và thời tiết không ổn định chủ yếu do tác động của

**A.** địa hình thấp, vị trí trong khu vực gió mùa, dải hội tự nhiệt đới.

**B.** vị trí cách xa xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc, áp thấp nhiệt đới.

**C.** gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, Tín phong bán cầu Bắc.

**D.** vị trí giáp với Biển Đông, địa hình cao ở Đông Bắc, gió Tín phong.

**Câu 4:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

**A.**  thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm cách xa vùng xích đạo.

**B.** vị trí nằm gần chí tuyến, gió mùa hạ, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh.

**C.** gió mùa Tây Nam, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, nằm gần chí tuyến.

**D.**  Tín Phong bán cầu bắc, Thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, xa xích đạo.

**Câu 5:** Giải pháp bảo vệ môi trường ở nước ta **không** phải là

**A.**  kiểm soát, phòng ngừa, xử lí ô nhiễm môi trường.

**B.** thực hiện tốt chính sách, pháp luật về môi trường.

**C.** phân loại chất thải, tăng cường trồng, bảo vệ rừng.

**D.** làm ruộng bậc thang, sử dụng phân bón hóa học.

**Câu 6:** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do

**A.** chính sách dân số, chất lượng cuộc sống tăng.

**B.** các thành tựu về kĩ thuật, nâng cao mức sống.

**C.** dân số trẻ, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn cao.

**D.** quy mô dân số lớn, tỉ lệ người lao động thay đổi.

**Câu 7:** Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếunhằm

**A.** mở rộng thị trường sang các nước kinh tế phát triển hơn.

**B.** giải quyết khó khăn về ngồn vốn, khoa học kĩ thuật.

**C.** tăng cường chuyển giao day chuyền công nghệ hiện đại.

**D.** tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

**Câu 8:** Ngành trồng trọt ở nước ta đang có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** thu hút nguồn vốn ở trong nước, cải thiện chất lượng sản phẩm.

**B.** phù hợp với nhu cầu thị trường và khai thác hiệu quả nguồn lực.

**C.** nâng cao chất lượng sản phẩm, thu hút lao động có trình độ cao.

**D.** thu hút các nguồn vốn đầu tư, mang lại hiệu quả cao về kinh tế.

**Câu 9.** Giải pháp chủ yếu để phát triển sản xuất cây công nghiệp theo hướng bền vững ở nước ta là

**A.** đẩy mạnh sử dụng giống mới, tăng sản lượng nông sản, ứng dụng các kĩ thuật mới.

**B.** đa dạng hoá sản xuất, đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ, tăng vụ để nâng cao sản lượng.

**C.** tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh và tăng vụ.

**D.** ứng dụng công nghệ, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và dịch vụ.

**Câu 10:** Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** tạo nhiều nông sản, tăng mức sống, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế.

**B.** phát huy thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.** tạo ra sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của vùng.

**D.** thu hút nguồn vốn đầu tư, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

**Câu** **11.** Biện pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động lâm nghiệp nước ta là

**A.** bảo vệ kết hợp khai thác du lịch ở vườn quốc gia.

**B**. tăng cường và hiện đại hóa công nghiệp chế biến.

**C.** bảo vệ rừng và mở rộng thêm diện tích trồng mới.

**D.** ban hành, thực hiện nghiêm các luật bảo vệ rừng.

**Câu 12:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

**A.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**B.** Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

**C.** Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**D.** Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

**Câu 13:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển đa dạng cây trồng ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác tiềm năng.

**B**. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lí tự nhiên.

**C**. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.

**D**. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa tự nhiên, giảm thiểu rủi ro.

**Câu 14.** Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A**. Thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B**. Khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.

**C**. Thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.

**D**. Nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ.

**Câu 15:** Cơ sở hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là?

**A.** Nhiều loại đất, khí hậu phân hóa theo lãnh thổ.

**B.** Giáp biển, tài nguyên phong phú, nhiều gỗ quý.

**C.** Lãnh thổ kéo dài, khí hậu phân hóa theo mùa.

**D.** Lãnh thổ hẹp ngang, địa hình phân hóa đa dạng.

**Câu 16:** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

**C.** tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

**D.** tăng vận chuyển, phát triển khu công nghiệp.

**Câu 17:** Việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** phân bố lại sản xuất, sử dụng tốt tài nguyên.

**B.** phát huy thế mạnh, tạo nhiều loại nông sản.

**C.** thúc đẩy chế biến, mở rộng các loại dịch vụ.

**D.** tạo việc làm, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư.

**Câu 18**. Những nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho các ngành công nghệ cao phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ?

**A**. Chính sách hợp lí, lao động chuyên môn tốt, nguồn đầu tư lớn.

**B**. Cơ sở hạ tầng hoàn thiện, thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài,

**C**. Thị trường được mở rộng, nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển.

**D**. Nguyên liệu phong phú, cơ sở kĩ thuật tốt, năng lượng đảm bảo.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho đoạn thông tin

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây đươc thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ấm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước do vị trí địa lí kết hợp với hướng núi.

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ấm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc – đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

c) Vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông Bắc kết hợp độ cao địa hình.

d) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao hút gió từ các hướng tới.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu**:**

SỐ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM TRONG NỀN KINH TẾ PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ NĂM 2010 VÀ 2022

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Chia ra** | | |
| **Kinh tế Nhà nước** | **Kinh tế ngoài Nhà nước** | **Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** |
| 2010 | 49124,4 | 5025,2 | 42370,0 | 1729,2 |
| 2022 | 50604,7 | 3995,0 | 41533,2 | 5076,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)*

a) Số lượng lao động trong khu vực Nhà nước giảm nhiều và nhanh hơn khu vực ngoài Nhà nước.

b) Tỉ trọng lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, khu vực ngoài Nhà nước giảm

c) Cơ cấu lao động có việc làm phân theo loại hình kinh tế thay đổi do quá trình hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế nhiều thành phần.

d) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ không thể hiện được cơ cấu số lao động có việc làm trong nền kinh tế phân theo loại hình kinh tế nước ta năm 2010 và 2022.

**Câu 3.** Cho đoạn thông tin

Trong giai đoạn 2012 - 2022, xuất nhập khẩu của Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, góp phần nâng cao vị thế của nước ta trên thị trường quốc tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 10 năm qua đạt trên 2.000 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam bao gồm: dệt may, điện tử, giày dép, nông sản, thủy sản, dầu khí và các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ... Trong đó, dệt may và điện tử là hai ngành có kim ngạch xuất khẩu cao nhất, chiếm hơn 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

*(Nguồn: Tạp chí tài chính, ngày 11/11/2023)*

a) Xuất khẩu góp phần khai thác tốt tiềm năng đất nước, nâng cao vị thế quốc gia trên thế giới.

b) Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do phát triển sản xuất hàng hóa, đa dạng thị trường

c) Hàng dệt may có kim ngạch xuất khẩu cao do đây là ngành công nghiệp truyền thống của nước ta, có nguồn lao động dồi dào và thị trường lớn.

d) Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta hiện nay là tăng vốn đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.

**Câu 4.** Cho đoạn thông tin sau:

Chuyển đổi cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, không thuận lợi nguồn nước sang các loại cây trồng khác, có giá trị kinh tế cao đang được các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long quan tâm thực hiện. Đây là mô hình, cách làm thuận thiên ứng phó với biến đổi khí hậu. Ở những vùng chuyển đổi, canh tác cây trồng sử dụng ít nước đạt hiệu quả cao, cho thu nhập khá và thu hút nông dân thực hiện.

*(Nguồn: Tạp chí kinh tế nông thôn, ngày 06/15/2021)*

a) Đồng bằng sông Cửu Long phải chuyển trồng lúa sang trồng cây khác do trồng lúa không mang lại hiệu quả.

b) Nhiều vùng ở Đồng bằng sông Cửu Long phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng do khô hạn, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn.

c) Mục đích chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng hiệu quả sản xuất.

d) Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long là chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí màu vụ hợp lí.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1***.* Một máy bay khởi hành, cất cánh từ TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) lúc 5 giờ sáng ngày 06/4/2024, đến Béc-lin (Đức) lúc 10 giờ sáng ngày 06/4/2024. Hỏi lúc đó ở TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) là mấy giờ? Biết tại Béc-lin (Đức) là múi giờ số 1, TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) là múi giờ số 7 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ).

**Câu 2**. Biết rằng bản đồ hành chính nước ta có tỉ lệ là 1: 2 000 000. Hãy cho biết 2cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa? (làm tròn đến hàng đơn vị của km)

**Câu 3**. Cho biết nhiệt độ ở chân sườn đón gió ẩm là 25°C, nhiệt độ ở chân sườn khuất gió 35°C. Tính độ cao của ngọn núi (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m).

**Câu 4.** Năm 2021 số dân của Đồng bằng sông Hồng là 23224,84 nghìn người, năm 2022 là 23454,20 nghìn người. Tính tỉ lệ gia tăng dân số của Đồng bằng sông Hồng năm 2022. (làm tròn kết quả đến phần thập phân **Câu 5:** Năm 2022, nước ta có tổng diện tích lúa là 7,2 triệu ha, năng suất lúa đạt 61 tạ/ha. Tính sản lượng lúa nước ta năm 2022?(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn).

**Câu 6.** Năm 2022, nước ta có tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa là 730,2 tỉ USD và cán cân thương mại là +12,4 tỉ USD. Tính tỉ trọng xuất khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2022. (làm

--------HẾT--------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH NINH BÌNH**  TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **NĂM HỌC 2024-2025**  **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI THAM KHẢO**  **Bài thi môn: Địa lí**  *(Hướng dẫn chấm gồm 01 trang)* |

**PHẦN I. (4,5 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **A** | 10 | **B** |
| 2 | **C** | 11 | **B** |
| 3 | **C** | 12 | **A** |
| 4 | **A** | 13 | **C** |
| 5 | **D** | 14 | **A** |
| 6 | **A** | 15 | **D** |
| 7 | **B** | 16 | **D** |
| 8 | **B** | 17 | **B** |
| 9 | **D** | 18 | **A** |

**PHẦN II. (4,0 điểm)**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.

- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| 1 | a | **Đ** | 3 | a | **Đ** |
| b | **Đ** | b | **Đ** |
| c | **Đ** | c | **Đ** |
| d | **S** | d | **S** |
| 2 | a | **Đ** | 4 | a | **S** |
| b | **Đ** | b | **Đ** |
| c | **Đ** | c | **Đ** |
| d | **S** | d | **Đ** |

**PHẦN III. (1,5 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **16** | 4 | **0,99** |
| 2 | **40** | 5 | **43,9** |
| 3 | **2500** | 6 | **50,8** |

--------HẾT--------

**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**

**PHẦN I. (4,5 điểm)**

**Câu 1.** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên mọi nơi trong năm đều có Mặt Trời lên thiên đỉnh

**Câu 2.** Sông ngòi nước ta có mạng lưới dày đặc và nhiều nước chủ yếu do nguồn nước đa dạng từ mưa, nước ngầm, nước ngoài lãnh thổ,…mưa tập trung trên sườn núi dốc

**Câu 3.** Về mùa đông, Bắc Bộ có lượng mưa ít và thời tiết không ổn định chủ yếu do tác động của gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 4.** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm cách xa vùng xích đạo.

**Câu 5.** Giải pháp bảo vệ môi trường ở nước ta **không** phải là làm ruộng bậc thang, sử dụng phân bón hóa học

**Câu 6.** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do chính sách dân số, chất lượng cuộc sống tăng.

**Câu 7.** Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếunhằm thu hút vốn và khoa học kĩ thuật

**Câu 8.** Ngành trồng trọt ở nước ta đang có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm nhằm mục đích chủ yếu là phù hợp với nhu cầu thị trường và khai thác hiệu quả nguồn lực.

**Câu 9.** Giải pháp chủ yếu để phát triển sản xuất cây công nghiệp theo hướng bền vững ở nước ta là phát huy thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 11.** Biện pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động lâm nghiệp nước ta là tăng cường và hiện đại hóa công nghiệp chế biến.

**Câu 12:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**Câu 13:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển đa dạng cây trồng ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.

**Câu 14.** Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 15:** Cơ sở hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là lãnh thổ hẹp ngang, địa hình phân hóa đa dạng.

**Câu 16:** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ làtăng vận chuyển, phát triển khu công nghiệp.

**Câu 17:** Việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là phát huy thế mạnh, tạo nhiều loại nông sản.

**Câu 18**. Những nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho các ngành công nghệ cao phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ chính sách hợp lí, lao động chuyên môn tốt, nguồn đầu tư lớn.

**PHẦN II. (4,0 điểm)**

**Câu 1:**

a) Đúng

b) Đúng

c) Đúng

d) Sai (núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông bắc, địa hình)

**Câu 2:**

a) Đúng

b) Đúng

c) Đúng

d) Sai (Biểu đồ cột chồng có thể hiện được cơ cấu)

**Câu 3:**

a) Đúng

b) Đúng

c) Đúng

d) Sai (Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta hiện nay là phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường)

**Câu 3:**

a) Sai (Đồng bằng sông Cửu Long phải chuyển trồng lúa sang trồng cây khác do nhiều nơi đất bị nhiễm mặn nhiễm phèn, thiếu nước ngọt…)

b) Đúng

c) Đúng

d) Đúng

**PHẦN III. (1,5 điểm)**

**Câu 1***.* Một máy bay khởi hành, cất cánh từ TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) lúc 5 giờ sáng ngày 06/4/2024, đến Béc-lin (Đức) lúc 10 giờ sáng ngày 06/4/2024. Hỏi lúc đó ở TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) là mấy giờ? Biết tại Béc-lin (Đức) là múi giờ số 1, TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) là múi giờ số 7 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ).

Trả lời

* Tính khoảng cách chênh lệch múi giờ: TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) và Béc-lin (Đức) cùng bán cầu Đông nên ta có chênh lệch múi giờ: 7- 1 = 6 (múi giờ)
* Giờ cần tính (Việt Nam có giờ sớm hơn Đức): 10 + 6 = 16 (h)

**Câu 2**. Biết rằng bản đồ hành chính nước ta có tỉ lệ là 1: 2 000 000. Hãy cho biết 2cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa? (làm tròn đến hàng đơn vị của km)

Trả lời

* Đổi: 2 000 000 cm = 20 km => 1 cm trên bản đồ ứng với 20 km ngoài thực tế

=> 2cm trên bản đồ ứng với: 2 \* 20 = 40 (km)

**Câu 3**. Cho biết nhiệt độ ở chân sườn đón gió ẩm là 25°C, nhiệt độ ở chân sườn khuất gió 35°C. Tính độ cao của ngọn núi (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m).

Trả lời

* Sườn đón gió: Lên 100m giảm 0,60C

=> Lên h m sẽ giảm (0,6\* h/100)

=> Nhiệt độ trên đỉnh núi: t = 25 - 0,6h/100 (1)

* Sườn khuất gió: Xuống núi 100m tăng 10C

=> Xuống h m sẽ tăng (h\*1/100) = h/100

=> Nhiệt độ dưới chân sườn khuất gió = t + h/100 (2)

- Thay (1) vào (2) ta có: 35 = (25 - 0,6h/100) + h/100

* Giải hệ phương trình ta được: h = 2500 (m)

**Câu 4.** Năm 2021 số dân của Đồng bằng sông Hồng là 23224,84 nghìn người, năm 2022 là 23454,20 nghìn người. Tính tỉ lệ gia tăng dân số của Đồng bằng sông Hồng năm 2022. (làm tròn kết quả đến phần thập phân thứ hai của %)

**-** Ta có công thức:

D2022 = D2021 × (1+T) <=> 23454,2 = 23224,84 (1+T) <=> T = 0,99%

**Câu 5:** Năm 2022, nước ta có tổng diện tích lúa là 7,2 triệu ha, năng suất lúa đạt 61 tạ/ha. Tính sản lượng lúa nước ta năm 2022?(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn).

Sản lượng = năng suất x diện tích = 7,2 x 61 = 43,9

**Câu 6.** Năm 2022, nước ta có tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa là 730,2 tỉ USD và cán cân thương mại là +12,4 tỉ USD. Tính tỉ trọng xuất khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2022. (làm tròn kết quả đến phần thập phân thứ nhất của %).

- Tính giá trị xuất khẩu = (Tổng XNK + Cán cân XNK)/2 = (730,2 + 12,4)/2 = 371,3 tỉ USD.

- Tính % xuất khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu:

(XK/ Tổng XNK) x 100 = (371,3/ 730,2) x 100 = 50,8%

**THÔNG TIN VỀ ĐỀ THI**

**TÊN FILE ĐỀ THI:** 8\_Diali\_TR9\_HSG12\_2024\_DE\_SO\_1

**TỔNG SỐ TRANG (GỒM ĐỀ THI VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM) LÀ: 08 TRANG.**

Họ và tên người ra đề thi: Mai Thị Phương

Đơn vị công tác: Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy

Số điện thoại: 0982948267